

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

				Đơn vị tính : VNĐ	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>10.532.567.799.560</b>	<b>6.163.508.096.185</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.01</b>	<b>1.595.760.199.184</b>	<b>1.751.670.156.184</b>	
1. Tiền	111		1.460.760.199.184	1.451.670.156.184	
<i>Trong đó : Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>			<i>1.244.049.806.891</i>	<i>1.024.748.146.134</i>	
2. Các khoản tương đương tiền	112		135.000.000.000	300.000.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>VI.02</b>	<b>4.656.827.875.634</b>	<b>1.972.285.905.012</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.688.155.094.366	2.020.376.804.048	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(31.327.218.732)	(48.090.899.036)	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.039.172.063.872</b>	<b>2.421.558.584.794</b>	
1. Phải thu của khách hàng	131	<b>VI.07</b>	3.642.635.846.536	2.107.173.592.328	
2. Trả trước cho người bán	132	<b>VI.08</b>	9.318.841.937	2.255.075.655	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-	
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	<b>VI.07</b>	226.779.001	362.010.103	
5. Các khoản phải thu khác	138	<b>VI.07</b>	401.607.537.770	340.166.436.972	
<i>Dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư ngắn hạn</i>			<i>(14.616.941.372)</i>	<i>(28.398.530.264)</i>	
6. Phải thu nội bộ ngắn hạn	139	<b>VI.10</b>	-	-	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>240.807.660.870</b>	<b>17.993.450.195</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.885.053.704	4.760.470.905	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	<b>VI.07</b>	-	44.439.578	
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-	
4. Giao dịch mua bán lại TP chính phủ	157		-	-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>VI.11</b>	232.922.607.166	13.188.539.712	



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN ( 200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>2.507.319.062.252</b>	<b>2.390.144.815.553</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.133.766.630.885</b>	<b>941.392.879.465</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	<b>VI.09</b>	1.251.353.739.987	1.124.019.887.995
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư dài hạn	219	<b>VI.10</b>	(117.587.109.102)	(182.627.008.530)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>131.907.121.084</b>	<b>139.383.414.286</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>VI.05</b>	14.766.289.761	19.380.118.523
<i>Nguyên giá</i>	222		86.216.760.436	85.471.911.442
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(71.450.470.675)	(66.091.792.919)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>VI.06</b>	116.842.491.323	120.003.295.763
<i>Nguyên giá</i>	228		166.908.879.366	165.239.353.641
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(50.066.388.043)	(45.236.057.878)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		298.340.000	-
<b>III. Bất động sản tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.157.055.361.432</b>	<b>1.193.701.659.769</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>VI.02</b>	342.000.000.000	342.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>VI.02</b>	-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	<b>VI.02</b>	779.269.325.913	648.013.806.679
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		779.269.325.913	648.013.806.679
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>VI.02</b>	65.000.000.000	538.617.000.000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	<b>VI.02</b>	(29.213.964.481)	(334.929.146.910)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>84.589.948.851</b>	<b>115.666.862.033</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>VI.03</b>	1.996.076.177	756.245.245
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	<b>VI.18</b>	45.321.632.464	88.452.941.782
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	<b>VI.04</b>	20.000.000.000	19.982.911.796
4. Tài sản dài hạn khác	268	<b>VI.12</b>	17.272.240.210	6.474.763.210
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>13.039.886.861.812</b>	<b>8.553.652.911.738</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>6.530.653.676.607</b>	<b>3.111.056.469.578</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.843.153.676.607</b>	<b>3.111.056.469.578</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.19	3.913.847.967.537	1.506.127.466.877
2. Phải trả người bán	312		3.007.381.612	1.119.400.635
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.14	4.893.483.331	71.967.220.419
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	84.794.532.019	38.507.993.397
5. Phải trả người lao động	315		3.558.502.404	3.301.862.273
6. Chi phí phải trả	316	VI.13	71.228.108.976	22.665.399.700
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.15	186.070.544.640	254.556.316.042
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	VI.21	1.449.127.503.531	1.096.408.609.677
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	VI.22	10.002.807.034	9.609.207.880
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		689.438.960	1.884.039.160
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		115.933.406.563	104.908.953.518
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
			-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>687.500.000.000</b>	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	VI.20	687.500.000.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>6.509.233.185.205</b>	<b>5.442.596.442.160</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	VI.17	<b>6.509.233.185.205</b>	<b>5.442.596.442.160</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4.800.636.840.000	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.285.860.000	342.196.810.218
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(170.482.400)	(54.900)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		447.423.045.314	372.998.887.930
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.232.057.922.291	1.189.451.378.912
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>13.039.886.861.812</b>	<b>8.553.652.911.738</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư nhận giữ hộ	002		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý	003		-	-
4. Ngoại tệ các loại	004		-	-
5. Nguồn vốn khấu hao	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		22.246.591.720.000	16.971.498.980.000
<b>6.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>007</b>		<b>17.545.682.100.000</b>	<b>13.385.339.520.000</b>
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		143.966.470.000	89.693.530.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		15.678.590.640.000	11.856.981.100.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1.723.124.990.000	1.438.664.890.000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
<b>6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>012</b>		<b>736.171.700.000</b>	<b>305.421.250.000</b>
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		594.130.210.000	295.550.450.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		142.041.490.000	9.870.800.000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
<b>6.3 Chứng khoán cầm cố</b>	<b>017</b>		<b>2.912.938.010.000</b>	<b>2.519.004.810.000</b>
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		183.426.660.000	92.335.010.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		2.729.511.350.000	2.426.669.800.000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
<b>6.4 Chứng khoán tạm giữ</b>	<b>022</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
<b>6.5 Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>027</b>		<b>1.031.209.930.000</b>	<b>741.167.730.000</b>
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		1.587.070.000	301.000.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		1.018.534.010.000	735.731.330.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		11.088.850.000	5.135.400.000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
<b>6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút</b>	<b>032</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
<b>6.7 Chứng khoán chờ giao dịch</b>	<b>037</b>		<b>20.589.980.000</b>	<b>20.565.670.000</b>
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		20.589.980.000	20.309.180.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		-	256.490.000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</b>	<b>042</b>		-	-
6.8.1 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		-	-
6.8.3 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay giao dịch của tổ chức khác	046		-	-
<b>6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</b>	<b>047</b>		-	-
<b>7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>		1.888.233.800.000	1.025.917.840.000
<b>Trong đó:</b>				
<b>7.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>051</b>		<b>1.296.910.810.000</b>	<b>824.916.770.000</b>
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		14.496.610.000	14.439.920.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		1.111.301.830.000	652.581.860.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		171.112.370.000	157.894.990.000
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
<b>7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>056</b>		<b>153.126.160.000</b>	<b>148.800.330.000</b>
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		1.000.000.000	1.000.000.000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		64.703.180.000	60.377.350.000
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		87.422.980.000	87.422.980.000
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
<b>7.3 Chứng khoán cầm cố</b>	<b>061</b>		<b>376.944.250.000</b>	<b>45.999.520.000</b>
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		376.944.250.000	45.999.520.000
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
<b>7.4 Chứng khoán tạm giữ</b>	<b>066</b>		-	-
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
<b>7.5 Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>071</b>		<b>61.252.580.000</b>	<b>6.201.220.000</b>
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		30.480.000	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		61.038.100.000	6.201.220.000
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		184.000.000	-
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
<b>7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút</b>	<b>076</b>		-	-
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
<b>7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</b>	<b>081</b>		-	-
<b>8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng</b>	<b>082</b>		-	-
<b>9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán</b>	<b>083</b>		-	-
<b>10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá</b>	<b>084</b>		-	-

Người Lập Biểu

  
Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng

  
Hoàng Thị Minh Thủy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2016

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

1	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
2	3	4	5	6	7		
1	<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>382.379.665.382</b>	<b>303.239.720.239</b>	<b>1.498.325.888.988</b>	<b>1.600.723.364.692</b>
	<i>Trong đó:</i>						
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		74.840.105.842	95.526.830.485	291.920.173.984	334.225.248.984
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	VI.23	111.036.624.766	65.456.533.257	574.793.676.372	770.473.958.917
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	2.844.259.220	-	2.844.259.220
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		10.188.000.000	441.633.358	12.390.049.452	543.481.183
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		16.378.702.842	6.815.271.482	44.704.036.602	20.966.718.460
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.872.007.114	1.798.929.988	7.363.774.946	5.623.352.899
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		177.805.399	177.915.399	721.318.867	720.358.866
	Doanh thu khác	01.9	VI.24	187.888.419.419	130.178.347.050	566.432.858.765	465.325.986.183
2	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>100.000.000</b>	<b>1.023.661.971</b>	<b>100.000.000</b>
3	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>382.379.665.382</b>	<b>303.139.720.239</b>	<b>1.497.302.227.017</b>	<b>1.600.623.364.692</b>
4	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	VI.25	<b>126.645.205.501</b>	<b>274.080.499.304</b>	<b>289.772.029.464</b>	<b>726.113.141.438</b>
	<i>Trong đó:</i>						
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1		184.292.599.244	176.658.932.648	641.673.359.526	535.059.447.407
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2		(57.647.393.743)	97.423.566.656	(351.901.330.082)	191.053.694.031
5	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>255.734.459.881</b>	<b>29.059.220.935</b>	<b>1.207.530.197.553</b>	<b>874.510.223.254</b>
6	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	VI.26	<b>4.180.891.225</b>	<b>5.563.598.000</b>	<b>13.070.565.157</b>	<b>14.759.715.127</b>
7	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>251.553.568.656</b>	<b>23.495.622.935</b>	<b>1.194.459.632.396</b>	<b>859.750.508.127</b>
8	<b>Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		<b>975.974.053</b>	<b>50.489.473.864</b>	<b>5.207.453.704</b>	<b>53.651.661.474</b>
9	<b>Chi phí khác</b>	<b>32</b>		<b>159.534.638</b>	<b>4.413</b>	<b>163.429.473</b>	<b>5.367.783</b>
10	<b>Lợi nhuận khác ( 40=31-32)</b>	<b>40</b>	VI.27	<b>816.439.415</b>	<b>50.489.469.451</b>	<b>5.044.024.231</b>	<b>53.646.293.691</b>
11	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>252.370.008.071</b>	<b>73.985.092.386</b>	<b>1.199.503.656.627</b>	<b>913.396.801.818</b>
12	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>		<b>74.154.445.146</b>	<b>13.866.922.128</b>	<b>189.542.615.702</b>	<b>206.656.573.933</b>
13	<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>(21.833.359.451)</b>	<b>(6.274.166.162)</b>	<b>43.339.225.088</b>	<b>(37.501.345.946)</b>
14	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN ( 60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>200.048.922.376</b>	<b>66.392.336.420</b>	<b>966.621.815.837</b>	<b>744.241.573.831</b>
15	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Người Lập Biểu

  
Nguyễn Thị Hải Anh


Kế Toán Trưởng

  
Hoàng Thị Minh Thủy



Hoàng Thị Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2016

P. Tổng Giám Đốc

  
Nguyễn Hồng Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Năm	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1.199.503.656.627</b>	<b>913.396.801.818</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	12.054.113.421	12.407.499.249
- Các khoản lập dự phòng	03	(351.305.861.337)	192.978.837.266
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(219.170.237.562)	(222.007.767.128)
- Chi phí lãi vay	06	125.206.111.512	16.538.262.700
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>766.287.782.661</b>	<b>913.313.633.905</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.954.323.702.230)	(880.416.183.762)
- Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	(245.942.654.847)	(785.543.214.271)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	274.990.299.740	(389.745.107.353)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(4.364.413.731)	(2.929.513.609)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(76.983.956.946)	(15.994.015.892)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(134.634.603.577)	(218.675.218.428)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.225.000	27.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(41.077.202.125)	(26.114.204.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.416.045.226.055)</b>	<b>(1.406.076.823.712)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn	21	(5.774.119.114)	(9.504.007.454)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	12.136.004	1.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.893.743.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	404.467.466.302	442.593.930.282
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(29.902.942.925)	(31.380.050.063)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	436.019.679.100	262.527.742.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	101.690.440.528	111.395.864.065
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.987.230.340.105)</b>	<b>765.634.478.830</b>

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1.	Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	152.453.860.000	86.498.771.600
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(170.427.500)	(54.900)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	19.821.505.132.020	20.735.961.702.782
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.726.284.631.360)	(19.588.795.277.226)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(138.324.000)	(353.206.205.358)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.247.365.609.160</b>	<b>880.458.936.898</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(155.909.957.000)</b>	<b>240.016.592.016</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.751.670.156.184</b>	<b>1.511.653.564.168</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.595.760.199.184</b>	<b>1.751.670.156.184</b>

Người Lập Biểu

  
 Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng

  
 Hoàng Thị Minh Thùy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2016  
 P. Tổng Giám Đốc

  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 CHỨNG KHOÁN  
 SÀI GÒN  
 QUẬN 1 - T. PHỐ HỒ CHÍ MINH  
 Nguyễn Hồng Nam



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU - kỳ kế toán kết thúc 31.12.2015	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.537.949.420.000	1.262.687.420.000	-	4.800.636.840.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		342.196.810.218	29.423.360.000	342.334.310.218	29.285.860.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(54.900)	(170.427.500)	-	(170.482.400)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		372.998.887.930	74.424.157.384	-	447.423.045.314
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.189.451.378.912	966.829.731.607	924.223.188.228	1.232.057.922.291
<b>Cộng</b>		<b>5.442.596.442.160</b>	<b>2.333.194.241.491</b>	<b>1.266.557.498.446</b>	<b>6.509.233.185.205</b>

CHỈ TIÊU - kỳ kế toán kết thúc 31.12.2014	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.537.949.420.000	-	-	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		344.944.356.378	-	2.747.546.160	342.196.810.218
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(89.246.317.760)	(54.900)	(89.246.317.760)	(54.900)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		335.813.119.252	37.185.768.678	-	372.998.887.930
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		866.129.290.773	744.473.399.219	421.151.311.080	1.189.451.378.912
<b>Cộng</b>		<b>4.995.589.868.643</b>	<b>781.659.112.997</b>	<b>334.652.539.480</b>	<b>5.442.596.442.160</b>

Người Lập Biểu



Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2016  
 P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính**

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 04 năm 2015 (chưa hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Tổng số nhân viên** : 579
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Giải thích chênh lệch lợi nhuận quý 4/2015 với quý 4/2014: kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế quý 4/2015 của Công ty lãi 200.048.922.376 đồng, tăng 201% (tương ứng 133.656.585.956 đồng) so với cùng kỳ quý 4/2014 chủ yếu là trong quý 4/2015 công ty bán ra một số khoản tự doanh nên doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn tăng và trong quý này các khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán nhiều hơn so với quý 4/2014

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo:
  - ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
  - ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
  - ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
  - ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
  - ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này, Công ty không áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận và trình bày các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày dưới đây.

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

### **3. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### **4. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 5. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao

#### 6. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 7. Đầu tư vào chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

##### Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

##### Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Việc xác định giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC, chi tiết:

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### 8. Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **9. Các hợp đồng mua lại và bán lại**

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

### **10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### **12. Cổ phiếu ngân quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### **13. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

### **14. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

## **15. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

## **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### **Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập ( hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ▶ Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.
- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### 17. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN QUÍ 4 NĂM 2015****1. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

*Đơn vị tính: VND*

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Ngân hàng đầu tư và khác	Tổng cộng
<b>Quý 4 năm 2015</b>					
1. Doanh thu trực tiếp	162.218.643.413	111.036.624.766	82.871.688.677	26.252.708.526	382.379.665.382
2. Các chi phí trực tiếp	58.769.458.004	(34.293.842.066)	55.599.862.326	3.307.923.404	83.383.401.668
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	34.760.373.626	3.922.789.134	2.655.241.191	5.287.851.692	46.626.255.643
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>	<b>68.688.811.783</b>	<b>141.407.677.698</b>	<b>24.616.585.160</b>	<b>17.656.933.430</b>	<b>252.370.008.071</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>					
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	4.614.097.942.972	3.108.714.270.542	4.877.028.170.610	3.965.865.518	12.603.806.249.642
2. Tài sản bộ phận phân bổ	139.193.259.325	7.940.555.062	2.802.548.845	13.078.561.279	163.014.924.512
3. Tài sản không phân bổ					273.065.687.658
<b>Tổng tài sản</b>	<b>4.753.291.202.297</b>	<b>3.116.654.825.604</b>	<b>4.879.830.719.455</b>	<b>17.044.426.797</b>	<b>13.039.886.861.812</b>
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.462.823.255.389	19.616.365.890	4.830.015.033.733	4.893.483.331	6.317.348.138.343
2. Nợ phải trả bộ phận phân bổ	102.036.363.664	5.820.866.383	2.054.423.429	9.587.309.338	119.498.962.814
3. Nợ phải trả không phân bổ					93.806.575.450
<b>Tổng công nợ</b>	<b>1.564.859.619.053</b>	<b>25.437.232.273</b>	<b>4.832.069.457.162</b>	<b>14.480.792.669</b>	<b>6.530.653.676.607</b>

**2. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý:**

Hoạt động của Công ty mẹ chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	580.870.230	173.468.197
Tiền gửi ngân hàng	1.460.179.328.954	1.451.496.687.987
<i>Trong đó: Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	<i>1.244.049.806.891</i>	<i>1.024.748.146.134</i>
Các khoản tương đương tiền	135.000.000.000	300.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.595.760.199.184</b>	<b>1.751.670.156.184</b>

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

**2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>				
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>11.737.386</b>	<b>297.055.094.366</b>	<b>(31.327.218.732)</b>	<b>265.727.875.634</b>
Cổ phiếu Niêm yết	10.574.999	274.474.884.147	(12.188.662.299)	262.286.221.848
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	1.162.386	22.580.110.219	(19.138.556.433)	3.441.553.786
Trái phiếu	1	100.000	-	100.000
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>4.391.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.391.100.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	4.391.100.000.000	-	4.391.100.000.000
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>29.454.599</b>	<b>779.269.325.918</b>	<b>(29.213.964.481)</b>	<b>750.055.361.437</b>
Chứng khoán sẵn sàng để bán	29.454.599	779.269.325.918	(29.213.964.481)	750.055.361.437
- Cổ phiếu Niêm yết	24.593.256	521.602.573.339	-	521.602.573.339
- Cổ phiếu Chưa Niêm yết	2.661.343	63.884.499.174	(29.213.964.481)	34.670.534.693
- Trái phiếu	2.200.000	193.782.253.405	-	193.782.253.405
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
<b>Đầu tư góp vốn</b>	<b>-</b>	<b>342.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>342.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-
<b>Đầu tư tài chính khác</b>	<b>1.499.999</b>	<b>65.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>65.000.000.000</b>
<b>Đầu tư chứng khoán dài hạn khác</b>	<b>1.499.999</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>15.000.000.000</b>
- Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	1.499.999	15.000.000.000	-	15.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>50.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>6.050.833</b>	<b>124.376.804.048</b>	<b>(48.090.899.036)</b>	<b>76.285.905.012</b>
Cổ phiếu Niêm yết	3.470.364	66.326.384.750	(1.314.628.366)	65.011.756.384
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	2.580.468	58.050.319.298	(46.776.270.670)	11.274.048.628
Trái phiếu	1	100.000	-	100.000
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>1.896.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.896.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.896.000.000.000	-	1.896.000.000.000
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>22.995.596</b>	<b>648.013.806.679</b>	<b>(37.186.146.910)</b>	<b>610.827.659.769</b>
Chứng khoán sẵn sàng để bán	22.995.596	648.013.806.679	(37.186.146.910)	610.827.659.769
- Cổ phiếu Niêm yết	17.284.254	375.067.350.845	(2.809.270.106)	372.258.080.739
- Cổ phiếu Chưa Niêm yết	3.661.342	75.884.487.171	(34.376.876.804)	41.507.610.367
- Trái phiếu	2.050.000	197.061.968.663	-	197.061.968.663
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
<b>Đầu tư góp vốn</b>	<b>-</b>	<b>342.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>342.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-
<b>Đầu tư tài chính khác</b>	<b>11.766.999</b>	<b>538.617.000.000</b>	<b>(297.743.000.000)</b>	<b>240.874.000.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	11.766.999	538.617.000.000	(297.743.000.000)	240.874.000.000
- Công ty CP Cao Su Hoàng Anh Gia Lai	10.267.000	523.617.000.000	(297.743.000.000)	225.874.000.000
- Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	1.499.999	15.000.000.000	-	15.000.000.000

- Trong số các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, có 2.041,1 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi và 2.315 tỷ đồng được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.
- Trong số cổ phiếu niêm yết của chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán tại ngày 31/12/2015, có 20.590.666 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 205.906.660.000 đồng đã là tài sản đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu đợt 2 của công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****- Chi tiết dự phòng Đầu tư Chứng khoán ngắn hạn**

Chi tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>				
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>5.783.038</b>	<b>143.395.462.629</b>	<b>(31.327.218.732)</b>	<b>112.068.243.897</b>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
GAS	5.000	320.000.000	(139.000.000)	181.000.000
KDC	29.481	768.078.392	(51.690.095)	716.388.297
DBC	3.027.818	81.696.337.643	(2.064.724.243)	79.631.613.400
VAF	1.563.270	38.072.107.961	(9.933.247.961)	28.138.860.000
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>4.625.569</b>	<b>120.856.523.996</b>	<b>(12.188.662.299)</b>	<b>108.667.861.697</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty CP Nhựa Sam Phú	418.273	4.182.730.000	(2.760.601.800)	1.422.128.200
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.452.100.000)	1.197.900.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.874	117.732.575	(117.732.575)	-
Công ty CP Bá Hiến Viglacera	6.054	253.765.058	(253.765.058)	-
Công ty CP đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(3.504.357.000)	780.354.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>1.157.469</b>	<b>22.538.938.633</b>	<b>(19.138.556.433)</b>	<b>3.400.382.200</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>				
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>4.562.653</b>	<b>78.185.904.958</b>	<b>(48.090.899.036)</b>	<b>30.095.005.922</b>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
SVC	6.752	127.098.826	(19.066.827)	108.031.999
PVS	8.140	332.587.537	(113.621.539)	218.965.998
E1SSHN30	1.969.900	19.699.000.000	(1.181.940.000)	18.517.060.000
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>1.984.792</b>	<b>20.158.686.363</b>	<b>(1.314.628.366)</b>	<b>18.844.057.997</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty CP Nhựa Sam Phú	418.273	4.182.730.000	(2.125.524.841)	2.057.205.159
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.452.100.000)	1.197.900.000
CTCP Phan Lân Văn Điển	1.420.400	35.488.291.962	(28.386.291.962)	7.102.000.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(4.231.809)	113.488.766
Công ty CP Bá Hiến Viglacera	6.054	253.765.058	(253.765.058)	-
Công ty CP đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(3.504.357.000)	780.354.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>2.577.861</b>	<b>58.027.218.595</b>	<b>(46.776.270.670)</b>	<b>11.250.947.925</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****- Chi tiết dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn**

Chỉ tiêu	Số lượng (CP)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>				
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>	<b>1.918.769</b>	<b>56.384.499.174</b>	<b>(29.213.964.481)</b>	<b>27.170.534.693</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(5.601.928.081)	5.722.744.693
- Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.537.920.000)	662.080.000
- Cty CP Việt Tin	6.299	6.654.826.400	(4.135.226.400)	2.519.600.000
- Công ty Cổ phần truyền thông VMG	714.000	23.205.000.000	(4.901.610.000)	18.303.390.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>1.918.769</b>	<b>56.384.499.174</b>	<b>(29.213.964.481)</b>	<b>27.170.534.693</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>	<b>4.698.872</b>	<b>91.623.705.680</b>	<b>(37.186.146.910)</b>	<b>54.437.558.770</b>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
LAF	771.092	10.932.011.866	(1.678.907.866)	9.253.104.000
ELC	266.438	4.807.206.640	(1.130.362.240)	3.676.844.400
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>1.037.530</b>	<b>15.739.218.506</b>	<b>(2.809.270.106)</b>	<b>12.929.948.400</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(3.709.911.074)	7.614.761.700
- Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.537.920.000)	662.080.000
- Cty CP Việt Tin	6.299	6.654.826.400	(4.135.226.400)	2.519.600.000
- Công ty Cổ phần truyền thông VMG	714.000	23.205.000.000	(6.783.000.000)	16.422.000.000
- Quỹ Đầu tư lợi thế cạnh tranh bền vững SSI	742.574	7.500.000.000	(210.824.330)	7.289.175.670
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(4.999.995.000)	6.999.993.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>3.661.342</b>	<b>75.884.487.174</b>	<b>(34.376.876.804)</b>	<b>41.507.610.370</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	1.996.076.177	756.245.245
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1.996.076.177</b>	<b>756.245.245</b>

**4. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VNĐ)**

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.960.535.062
Tiền lãi phân bổ hàng năm	6.039.464.938
<b>Tổng Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>

**5. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.609.391.520	68.196.998.519	14.504.261.403	161.260.000	85.471.911.442
Tăng trong kỳ	-	2.609.954.494	-	-	2.609.954.494
Mua trong kỳ		2.609.954.494			2.609.954.494
Giảm trong kỳ	-	(1.865.105.500)	-	-	(1.865.105.500)
Bán thanh lý	-	(1.865.105.500)	-	-	(1.865.105.500)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.609.391.520	68.941.847.513	14.504.261.403	161.260.000	86.216.760.436
<b>Giá trị hao mòn:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.609.391.520	55.157.869.212	8.263.775.521	60.756.666	66.091.792.919
Tăng trong kỳ	-	5.799.632.635	1.379.431.955	44.718.666	7.223.783.256
Khấu hao		5.799.632.635	1.379.431.955	44.718.666	7.223.783.256
Giảm trong kỳ	-	(1.865.105.500)	-	-	(1.865.105.500)
Bán thanh lý	-	(1.865.105.500)	-	-	(1.865.105.500)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.609.391.520	59.092.396.347	9.643.207.476	105.475.332	71.450.470.675
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	13.039.129.307	6.240.485.882	100.503.334	19.380.118.523
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	9.849.451.166	4.861.053.927	55.784.668	14.766.289.761

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VNĐ)**

<i>Khoản mục</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	49.259.862.204	109.671.558.000	6.307.933.437	165.239.353.641
Tăng trong kỳ	1.328.243.320	-	341.282.405	1.669.525.725
<i>Mua mới</i>	1.328.243.320		341.282.405	1.669.525.725
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	50.588.105.524	109.671.558.000	6.649.215.842	166.908.879.366
<b>Hao mòn lũy kế:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	43.166.340.019	-	2.069.717.859	45.236.057.878
Tăng trong kỳ	3.787.118.677	-	1.043.211.488	4.830.330.165
<i>Khấu hao</i>	3.787.118.677		1.043.211.488	4.830.330.165
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	46.953.458.696	-	3.112.929.347	50.066.388.043
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	6.093.522.185	109.671.558.000	4.238.215.578	120.003.295.763
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.634.646.828	109.671.558.000	3.536.286.495	116.842.491.323

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, quyền sử dụng đất vô thời hạn với nguyên giá 109.671.558.000 đồng được dùng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu do công ty phát hành đợt 2.

**7. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>1. Phải thu khách hàng</b>	<b>3.642.635.846.536</b>	<b>2.107.173.592.328</b>
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ ký quỹ(*)	3.256.363.621.210	2.003.553.536.747
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	93.457.735.870	97.679.567.228
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán khác	284.251.211.500	-
- Phải thu phí tư vấn	5.491.684.179	2.904.869.361
- Phải thu khác	3.071.593.777	3.035.618.992
<b>2. Phải thu hoạt động giao dịch CK</b>	<b>226.779.001</b>	<b>362.010.103</b>
- Phải thu số giao dịch	-	260.170.000
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	226.779.001	101.840.103
<b>3. Thuế GTGT khấu trừ</b>	<b>-</b>	<b>44.439.578</b>
<b>4. Phải thu khác</b>	<b>401.607.537.770</b>	<b>340.166.436.972</b>
- Phải thu tổ chức phát hành – cổ tức, trái tức	15.466.389.845	16.311.647.807
- Số dư Danh mục ủy thác đầu tư ngắn hạn tại SSIAM	364.990.923.185	314.295.199.721
- Phải thu lãi hợp đồng tiền gửi ngân hàng	16.655.384.425	6.412.282.961
- Phải thu khác	4.494.840.315	3.147.306.483

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(\*) Công ty có giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu giao dịch ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 công ty có giữ chứng khoán với giá trị theo mệnh giá 5.221.587.690.000 đồng là tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu giao dịch ký quỹ chứng khoán và của ngày 31/12/2014 là 3.500.580.700.000 đồng.

**8. Ứng trước cho người bán (đơn vị tính: VNĐ):**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước cho người bán	9.318.841.937	2.255.075.655

**9. Phải thu dài hạn khác (đơn vị tính: VNĐ):**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số dư Danh mục ủy thác đầu tư dài hạn tại SSIAM	1.251.353.739.987	1.124.019.887.995
<b>Cộng</b>	<b>1.251.353.739.987</b>	<b>1.124.019.887.995</b>

**10. Dự phòng các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác ngắn hạn	(11.185.829.412)	(25.562.887.029)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác dài hạn	(117.587.109.102)	(182.627.008.530)
- Dự phòng phải thu khó đòi khác	(3.431.111.960)	(2.835.643.235)
<b>Cộng</b>	<b>(132.204.050.474)</b>	<b>(211.025.538.794)</b>

**11. Tài sản ngắn hạn khác (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ ngắn hạn	228.968.173.829	-
Tài sản ngắn hạn khác	3.954.433.337	13.188.539.712
<b>Cộng</b>	<b>232.922.607.166</b>	<b>13.188.539.712</b>

**12. Tài sản dài hạn khác (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản dài hạn khác	17.272.240.210	6.474.763.210
<b>Cộng</b>	<b>17.272.240.210</b>	<b>6.474.763.210</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VND)**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí phải trả SGDCK & TTLKCK	5.779.486.553	5.198.754.935
Lãi trái phiếu	45.617.847.224	-
Phải trả SSIAM tiền phí tư vấn và quản lý danh mục	8.124.287.890	10.455.347.727
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán, hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	3.068.427.838	1.890.738.020
Lãi vay tổ chức tín dụng	3.265.485.311	658.386.630
Phí dịch vụ	410.000.000	404.000.000
Chi phí phải trả khác	4.962.574.160	4.058.172.388
<b>Tổng Cộng</b>	<b>71.228.108.976</b>	<b>22.665.399.700</b>

**14. Người mua trả tiền trước (đơn vị tính: VND)**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.893.483.331	6.957.820.419
- Ứng trước tiền mua chứng khoán của khách hàng	-	65.009.400.000
<b>Tổng Cộng</b>	<b>4.893.483.331</b>	<b>71.967.220.419</b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VND)**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	7.053.847	34.160.840
Phải trả hợp đồng mua bán lại trái phiếu	176.000.000.000	164.000.000.000
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	24.943.229	24.943.229
Phải trả công ty con SSIAM	-	1.973.000.000
Phải trả khách hàng – khoản nhận ký quỹ ngắn hạn của khách hàng	8.750.000.000	85.126.479.812
Các khoản khác	1.288.547.564	3.397.732.161
<b>Tổng Cộng</b>	<b>186.070.544.640</b>	<b>254.556.316.042</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VND)**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Thuế Giá trị gia tăng	903.522.406	766.442.893
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	69.154.445.146	13.866.922.128
Thuế Thu nhập cá nhân	3.759.392.120	4.239.382.498
Thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ	9.132.190.162	15.215.147.616
Các loại thuế khác	1.844.982.185	4.420.098.262
<b>Cộng</b>	<b>84.794.532.019</b>	<b>38.507.993.397</b>

**Bảng ước tính thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2015: (đơn vị tính: VND)**

<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.199.503.656.627</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng giảm:</i>	
- Các khoản thu nhập cố tức không chịu thuế	(161.992.955.481)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.2014	(402.058.826.278)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.2015 chưa khấu trừ thuế	90.951.483.116
- Chi phí được khấu trừ thuế năm trước chuyển sang	(945.071.681)
- Chi phí không khấu trừ thuế	442.378.600
- Chênh lệch tạm thời tính thuế trong năm 2015	135.656.679.197
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 22%</b>	<b>861.557.344.100</b>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp lũy kế đến 31.12.2015</i>	<b>189.542.615.702</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)****17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>3.537.949.420.000</b>	<b>342.196.810.218</b>	<b>(54.900)</b>	<b>372.998.887.930</b>	<b>1.189.451.378.912</b>	<b>5.442.596.442.160</b>
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo Nghị Quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2011 và 03/2011/NQ-HĐQT ngày 20/10/2011	23.168.000.000	29.423.360.000				52.591.360.000
Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị Quyết 02/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/12/2014 và Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐQT ngày 13/1/2015	712.210.570.000	(342.196.810.218)			(370.013.759.762)	-
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2014 (10%)	427.308.850.000				(427.308.850.000)	
Phát hành CP tăng vốn theo chương trình lựa chọn người lao động theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2015	100.000.000.000					100.000.000.000
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc theo nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ(5% LN sau thuế)				37.212.078.692	(37.212.078.692)	-
Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ (5% LN sau thuế)				37.212.078.692	(37.212.078.692)	-
Trích lập quỹ khen thưởng theo nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ(3% LN sau thuế)					(22.327.247.215)	(22.327.247.215)
Trích lập quỹ phúc lợi theo nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ(2% LN sau thuế)					(14.884.831.477)	(14.884.831.477)
Trích lập quỹ từ thiện theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ(2% LN sau thuế)					(14.884.831.477)	(14.884.831.477)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi phí phát sinh khi tăng vốn		(137.500.000)				(137.500.000)
Lợi nhuận sau thuế đến 31 tháng 12 năm 2015	-	-	-	-	966.621.815.837	966.621.815.837
Điều chỉnh lại thuế TNDN hiện hành theo quyết toán thuế năm 2014	-	-	-		(283.374.621)	(283.374.621)
Điều chỉnh lại thuế TNDN hoãn lại theo quyết toán thuế năm 2014					207.915.770	207.915.770
Thuế TNDN phải nộp theo tờ khai QT Thuế TNDN kỳ tính thuế 2011					(96.136.272)	(96.136.272)
Mua Cổ phiếu Quý	-	-	(170.427.500)			(170.427.500)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>4.800.636.840.000</b>	<b>29.285.860.000</b>	<b>(170.482.400)</b>	<b>447.423.045.314</b>	<b>1.232.057.922.291</b>	<b>6.509.233.185.205</b>

**17.2 Cổ phiếu**

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</u>
<b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>480.063.684</b>	<b>353.794.942</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>480.063.684</b>	<b>353.794.942</b>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	480.063.684	353.794.942
- Cổ phiếu phổ thông	480.063.684	353.794.942
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	<b>(6.319)</b>	<b>(2)</b>
Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ	(6.319)	(2)
- Cổ phiếu phổ thông	(6.319)	(2)
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>480.057.365</b>	<b>353.794.940</b>
- Cổ phiếu phổ thông	<b>480.057.365</b>	<b>353.794.940</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Tài sản thuế TNDN hoãn lại (đơn vị tính: VND)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	45.321.632.464	88.452.941.782
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.321.632.464</b>	<b>88.452.941.782</b>

**19. Vay và Nợ ngắn hạn (đơn vị tính: VND)**

Ngân hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Vay thấu chi</b>	<b>1.706.347.967.537</b>	<b>1.276.127.466.877</b>
Ngân hàng CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	635.073.055.621	387.823.413.353
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	-	161.837.457.364
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	154.033.358
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	400.276.995.705	526.357.360.661
Ngân hàng Quốc tế	-	199.955.202.141
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	670.997.916.211	-
<b>Vay hạn mức</b>	<b>2.207.500.000.000</b>	<b>230.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	2.007.500.000.000	-
Ngân hàng Quốc tế	200.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	-	230.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.913.847.967.537</b>	<b>1.506.127.466.877</b>

Tỷ lệ lãi suất áp dụng cho các khoản vay thấu chi tại các ngân hàng dao động từ 1.3% đến 6.31%/năm.

Chi tiết vay và trả vay :

Số đầu năm	1.506.127.466.877
Phát sinh tăng	19.021.505.132.020
Phát sinh giảm	16.613.784.631.360
Số cuối kỳ	3.913.847.967.537

**20. Vay và Nợ dài hạn (đơn vị tính: VND)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trái phiếu SSIBOND012015	387.500.000.000	-
Trái phiếu SSIBOND022015	300.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>687.500.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Trái phiếu SSIBOND012015 phát hành đợt 1 vào tháng 1/2015 theo Nghị Quyết số 02/2014/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22/12/2014 với số lượng 1.000 trái phiếu và mệnh giá 500 triệu đồng/trái phiếu, không có tài sản đảm bảo. Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm có cam kết mua lại 6 tháng một lần với lãi suất trái phiếu năm đầu tiên là 8.2%/năm và được điều chỉnh lại năm tiếp theo. Trong tháng 7/2015 Công ty đã mua lại 225 trái phiếu.
- Trái phiếu SSIBOND022015 phát hành vào tháng 4/2015 theo Nghị Quyết số 02/2015/NQ/ĐHĐCĐ ngày 15/04/2015 với số lượng 600 trái phiếu và mệnh giá 500 triệu đồng/trái phiếu, có tài sản đảm bảo. Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm với lãi suất tính bằng tổng của tối đa 1.5%/năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố tại các Ngân hàng của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (chi nhánh Sở giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (chi nhánh Lý Thường Kiệt, Hà Nội).

**21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ):**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.241.656.219.531	944.143.998.877
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	204.729.206.000	152.264.610.800
Phải trả Sở GDCK HCM	2.742.078.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.449.127.503.531</b>	<b>1.096.408.609.677</b>

**22. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cổ tức cho cổ đông của SSI	4.588.929.750	4.727.253.750
Phải trả lãi trái phiếu chuyển đổi cho trái chủ của SSI	715.305.824	718.097.161
Phải trả hộ cổ tức, lãi trái phiếu cho nhà đầu tư	4.698.571.460	4.163.856.969
<b>Tổng Cộng</b>	<b>10.002.807.034</b>	<b>9.609.207.880</b>

**23. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 4-2015	Quý 4-2014
Cổ tức	35.590.011.900	40.360.583.230
Trái tức	5.725.424.657	5.466.592.466
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	40.519.441.411	1.927.477.131
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	29.201.746.798	17.701.880.430
<b>Tổng cộng</b>	<b>111.036.624.766</b>	<b>65.456.533.257</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****24. Chi tiết doanh thu khác (đơn vị tính: VNĐ)**

	<b>Quý 4-2015</b>	<b>Quý 4-2014</b>
Lãi tiền gửi	75.866.165.947	51.982.370.662
Doanh thu phí ứng trước	1.964.430.906	2.604.839.911
Doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ	81.960.225.622	68.926.023.365
Doanh thu khác	8.095.596.944	6.665.113.112
<b>Tổng cộng</b>	<b>167.886.419.419</b>	<b>130.178.347.050</b>

**25. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ)**

	<b>Quý 4-2015</b>	<b>Quý 4-2014</b>
Chi phí môi giới chứng khoán	23.304.392.951	21.622.271.417
Chi phí tự doanh chứng khoán	15.692.873.338	54.823.975.187
Chi phí hoạt động tư vấn	8.057.678.339	9.330.784.921
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	(57.647.393.743)	97.423.566.656
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	55.270.231.371	19.235.601.261
<i>Trả lãi nhà đầu tư</i>	<i>1.355.925.214</i>	<i>3.098.208.512</i>
<i>Trả lãi tiền vay</i>	<i>34.013.240.425</i>	<i>11.313.412.919</i>
<i>Trả lãi Trái phiếu</i>	<i>13.691.944.444</i>	
<i>Chi phí khác</i>	<i>6.209.121.288</i>	<i>4.823.979.830</i>
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	81.967.423.245	71.644.299.862
<i>Chi phí lương</i>	<i>42.204.319.630</i>	<i>40.871.838.538</i>
<i>Chi phí bảo hiểm các loại theo lương</i>	<i>2.707.648.000</i>	<i>2.149.657.000</i>
<i>Chi phí đào tạo, chi phí nhân viên khác</i>	<i>7.340.155.949</i>	<i>6.040.388.323</i>
<i>Chi phí vật liệu, VPP, công cụ</i>	<i>1.644.804.184</i>	<i>1.637.628.244</i>
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	<i>2.641.919.122</i>	<i>3.031.554.672</i>
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	<i>7.669.904.240</i>	<i>6.791.953.227</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>14.955.524.317</i>	<i>11.109.870.358</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>2.803.147.803</i>	<i>11.409.500</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>126.645.205.501</b>	<b>274.080.499.304</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****26. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VND)**

	<b>Quý 4-2015</b>	<b>Quý 4-2014</b>
Chi phí nhân viên	3.119.157.426	3.108.598.441
Chi phí khấu hao và phân bổ	122.265.074	205.871.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.000.000	323.985.000
Chi phí dự phòng	649.468.725	1.925.143.235
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.180.891.225</b>	<b>5.563.598.000</b>

**27. Lợi nhuận khác (đơn vị tính: VND)**

	<b>Quý 4-2015</b>	<b>Quý 4- 2014</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	4.545.455	-
Thu nhập từ lãi phạt/bỏ cọc thực hiện hợp đồng	-	49.000.000.000
Thu nhập khác	971.428.598	1.489.473.864
<b>Tổng cộng</b>	<b>975.974.053</b>	<b>50.489.473.864</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	159.534.638	4.413
<b>Tổng cộng</b>	<b>159.534.638</b>	<b>4.413</b>
	<b>816.439.415</b>	<b>50.489.469.451</b>

**28. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</b>	<b>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ</b>
<b>a) Cửa công ty chứng khoán</b>	<b>29.192.836</b>	<b>2.829.880.862.700</b>
<i>Cổ phiếu</i>	1.792.836	29.027.662.700
<i>Trái phiếu</i>	27.400.000	2.800.853.200.000
<i>Chứng khoán khác</i>	-	-
<b>b) Cửa nhà đầu tư</b>	<b>2.349.471.575</b>	<b>44.657.660.951.522</b>
<i>Cổ phiếu</i>	2.328.071.439	42.519.511.463.580
<i>Trái phiếu</i>	20.019.846	2.124.995.388.942
<i>Chứng khoán khác</i>	1.380.290	13.154.099.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.378.664.411</b>	<b>47.487.541.814.222</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****29. Nghiệp vụ với các bên có liên quan:**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Quỹ đầu tư thành viên SSI	Công ty con 80% sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư NDH	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH Đầu tư NDH
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% sở hữu
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đồng chiến lược
Công ty CP Tập Đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng quản trị của PAN ,Quyền Tổng Giám đốc Công ty PAN là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Phó Tổng Giám đốc SSI là chủ tịch thành viên Sài Gòn Đan Linh
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một Thành viên Nguyễn Sài Gòn là em chủ tịch SSI



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày như sau:

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí) VNĐ
		Số đầu kỳ VNĐ	Tăng trong kỳ VNĐ	Giảm trong kỳ VNĐ	Số cuối kỳ VNĐ	
Quý đầu tư thành viên SSI	Góp vốn đầu tư	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	Góp vốn đầu tư	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000	-
	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán, phí lưu ký và phí giao dịch chứng khoán	-	104.734.163	(104.734.163)	-	104.734.163
	Tiền thuê mặt bằng	-	(4.821.003.000)	4.821.003.000	-	(2.453.693.402)
	Đặt cọc tiền thuê văn phòng	10.800.702.000	-	-	10.800.702.000	-
	Lãi đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	276.017.941	(276.017.941)	-	276.017.941
	Phải thu ký quỹ	-	418.643.674.965	(314.938.606.123)	103.705.068.842	-
	Ứng trước hợp đồng môi giới trái phiếu	142.446.211.500	-	-	142.446.211.500	-
	Giao dịch mua bán chứng khoán	-	305.020.000.000	(305.020.000.000)	-	-
	Mua trái phiếu	(150.000.000.000)	-	-	(150.000.000.000)	-
	Lãi trái phiếu	(8.678.333.334)	(3.143.333.333)	-	(11.821.666.667)	(3.143.333.333)
	Phí ký quỹ	-	1.401.807.748	(1.401.807.748)	-	1.401.807.748

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty TNHH Đầu tư NDH	Phí giao dịch chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán	-	213.508.396	(213.508.396)	-	213.508.396
Công ty TNHH Sài Gòn Đan Linh	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán, phí lưu ký và phí giao dịch chứng khoán	-	35.776.666	(35.776.666)	-	35.776.666
Công ty Cổ phần Tập Đoàn PAN và các công ty con	Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký và ứng trước tiền bán	-	531.529.090	(531.529.090)	-	531.529.090
	Phí ký quỹ	-	268.392.331	(268.392.331)	-	268.392.331
	Phải thu ký quỹ	4.084.268.600	70.796.900.108	(30.257.471.182)	44.623.697.526	-
	Phí hợp đồng tư vấn	-	396.000.000	(396.000.000)	-	360.000.000
	Ứng trước hợp đồng tư vấn	(100.000.000)	-	-	(100.000.000)	-
	Ứng mua chứng khoán	(6.546.755.584)	(11.488.382.819)	18.034.441.078	(697.325)	-
	Chi phí thuê kho và dịch vụ	(136.192.433)	(295.347.180)	385.144.243	(46.395.370)	(295.347.180)
	Đặt cọc tiền thuê văn phòng	78.262.800	-	-	78.262.800	-
	Nhận cọc môi giới chứng khoán	(27.584.000.000)	(895.458.649.600)	923.042.649.600	-	-
	Lãi nhận cọc phải trả	(196.515.757)	(3.812.915.909)	4.009.431.666	-	(3.812.915.909)
	Chi phí mua hàng hóa	-	(1.228.920.000)	1.228.920.000	-	(1.228.920.000)
	Giao dịch mua bán chứng khoán	-	211.559.978.400	(211.559.978.400)	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	-
	Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký và ứng trước tiền bán	-	2.185.835.260	(2.185.835.260)	-	2.181.767.861
	Ủy thác danh mục đầu tư	1.693.083.629.361	461.865.565.558	(538.604.531.747)	1.616.344.663.172	41.865.565.558
	Phí quản lý Danh mục	(2.852.311.818)	(11.179.905.944)	8.604.531.747	(5.427.686.015)	(11.179.905.944)
	Phí tư vấn đầu tư Chứng Khoán	(2.207.006.787)	(7.660.678.339)	7.171.103.251	(2.696.581.875)	(7.660.678.339)
Các đối tượng liên quan khác	Phí Dịch vụ	-	3.424.733.334	(3.424.733.334)	-	3.113.393.940

**Các giao dịch với các bên liên quan khác :**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong Quý 4/2015 là 3.289.000.000 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 30. Thuyết minh bổ sung

Tại ngày 31.12.2015, tỷ lệ sở hữu (biểu quyết) của phần tự doanh công ty và phần ủy thác tại công ty con SSIAM trên số lượng cổ phiếu lưu hành của các mã cổ phiếu như sau:

Số TT	Mã cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (biểu quyết)
1	PAN	19.62%
2	VFG	19.98%
3	PDN	19.98%

Lợi nhuận trước thuế Quý 4/2015 của Công ty là 252.370.008.071 đồng, trong đó đã có 16 tỷ đồng là cổ tức nhận được trong kỳ của PAN. Khoản cổ tức này sẽ không được tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất quý 4/2015 do công ty này là công ty liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất của SSI. Kết quả hoạt động kinh doanh quý 4/2015 của các công ty liên kết này sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất quý 4/2015 của Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Trong quý 4.2015, Công ty đã bán bớt khoản đầu tư tại công ty ELC và ghi nhận vào kết quả hoạt động đầu tư chứng khoán nên công ty này không còn là công ty liên kết của Công ty trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trên báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2015, Công ty sẽ ghi nhận một khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận khoảng 34 tỷ đồng: đây là khoản chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư và giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư vào ELC tại ngày 31/12/2015.

### 31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ:

Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 quy định chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán kể từ ngày 1/1/2016, thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010.

TPHCM, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Người Lập Biểu

  
Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng

  
Hoàng Thị Minh Thủy

Phó Tổng Giám Đốc



  
Nguyễn Hồng Nam